TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU
PHẬT HỌC
CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA TRUNG ƯƠNG GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
ISSN: 2734-9195

Phật giáo với nghi lễ thờ cúng Tổ tiên

ISSN: 2734-9195 06:45 04/11/2026

Thờ cúng tổ tiên là hình thức tín ngưỡng phổ biến trong đời sống gia đình và làng xã Việt Nam, đồng thời là nơi tiếp xúc rõ rệt nhất với Phật giáo thông qua đạo hiếu.

Thờ cúng tổ tiên *là hình thức tín ngưỡng phổ biến trong đời sống gia đình và làng xã Việt Nam, đồng thời là nơi tiếp xúc rõ rệt nhất với Phật giáo thông qua đạo hiếu.*

Phật giáo đã ảnh hưởng như thế nào đến tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của người Việt?

Trên cơ sở tổng hợp, phân tích các nghiên cứu về nguồn gốc tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên và quá trình hiện diện của Phật giáo ở Việt Nam, để thấy rõ tín ngưỡng này là sản phẩm của quá trình tích tầng lâu dài, trong đó sự tiếp xúc với Phật giáo đã bồi đắp chiều sâu đạo đức và nghi lễ trên bốn phương diện: tư tưởng, nghi lễ, thờ tự và kiến trúc.

Nhiều nghi lễ tiêu biểu, như cúng thất và lễ Vu Lan là mối quan hệ tiếp biến hai chiều, tín ngưỡng tổ tiên cũng đi vào không gian chùa và tái cấu trúc sinh hoạt Phật giáo. Trong xã hội đương đại, tín ngưỡng này vừa là môi trường giáo dục phi chính thức về hiếu nghĩa, tinh thần "uống nước nhớ nguồn", vừa là cơ sở văn hóa cho sự gắn kết cộng đồng. Bài viết góp phần nhìn nhận thờ cúng tổ tiên từ góc độ lịch sử Phật giáo và tiếp biến văn hóa.

Từ khóa: thờ cúng tổ tiên, Phật giáo Việt Nam, đạo hiếu, lễ Vu Lan, tiếp biến văn hóa, "uống nước nhớ nguồn".

Trong làng quê Việt Nam truyền thống, đời sống tâm linh của cộng đồng và của từng gia đình xoay quanh ba không gian thờ tự: Đình thờ thần Thành Hoàng là trung tâm sinh hoạt chung của làng; cạnh đình thường có ít nhất một ngôi chùa;[1] còn trong mỗi gia đình, bàn thờ gia tiên là nơi con cháu hướng về ông bà, tổ tiên. Mái chùa, cây đa, bến nước, sân đình vì thế không chỉ là hình ảnh quen thuộc của làng quê, mà còn trở thành biểu tượng của văn hóa làng xã và

đời sống tâm linh, phản ánh ý thức cộng đồng của người Việt.

Trong những không gian ấy, Phật giáo hiện diện qua ngôi chùa làng, gắn bó lâu dài với dân tộc kể từ khi du nhập và để lại dấu ấn sâu rộng trên nhiều phương diện đời sống, trong đó có tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên. Ở cấp gia đình, thờ cúng ông bà tổ tiên được xem là hình thức quan trọng nhất, và ngày giỗ là dịp để con cháu tưởng nhớ người đã khuất.



Bàn thờ gia tiên “Đông bình - Tây quả”. Hình minh họa tác giả cung cấp.

Về thời điểm Phật giáo du nhập, có nhiều ý kiến chưa thống nhất cho rằng vào thế kỷ II sau Công nguyên, có người lại cho rằng vào cuối thế kỷ I trước Công nguyên Phật giáo đã có mặt trên lãnh thổ Việt Nam. Tuy nhiên, các nghiên cứu đều ghi nhận đến cuối thế kỷ II, Phật giáo ở Giao Châu đã phát triển, với Luy Lâu (Bắc Ninh) là trung tâm [2]. Trong quá trình hòa nhập, Phật giáo gặp tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của người Việt ở một điểm tiếp xúc rõ rệt là đạo hiếu. Lễ Vu Lan, bắt nguồn từ tích Mục Kiền Liên cứu mẹ, được tổ chức vào rằm tháng Bảy hằng năm, trùng với ngày xá tội vong nhân trong tập quán dân gian của người Việt.[3] Giáo lý về đạo làm con, gồm việc lo tang lễ và hồi hướng công đức khi cha mẹ qua đời, cũng cho thấy rõ dấu ấn của Phật giáo đối với tục thờ cúng tổ tiên và việc hiếu kính cha mẹ.

Ngày nay, khi văn hóa, đạo đức và tín ngưỡng ngày càng được xem là nguồn lực "sức mạnh mềm", việc nhìn nhận lại giá trị của tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên càng có ý nghĩa.

Khái niệm này được Joseph S.Nye đề xuất: "chỉ một dạng quyền lực dựa trên các nguồn lực vô hình như văn hóa, hệ tư tưởng, bổ sung cho các hình thức cưỡng chế truyền thống". Trên cơ sở đó, Phật giáo đã ảnh hưởng như thế nào đến tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của người Việt, và có thể phát huy giá trị của tín ngưỡng ấy ra sao trong xã hội hiện nay?

Bài viết cho rằng sự tiếp xúc của tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên với Phật giáo đã bồi đắp chiều sâu đạo đức và nghi lễ cho tín ngưỡng này, góp phần đưa nó trở thành nét đặc sắc của văn hóa tâm linh người Việt, đồng thời là nền tảng giáo dục tinh thần hiếu đạo "uống nước nhớ nguồn" và sự gắn kết cộng đồng.

Nguồn gốc tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của người Việt

Theo Luật Tín ngưỡng, tôn giáo[4] khoản 1 Điều 2 năm 2016 đã định nghĩa: "Tín ngưỡng là niềm tin của con người được thể hiện thông qua những lễ nghi gắn liền với phong tục, tập quán truyền thống để mang lại sự bình an về tinh thần cho cá nhân và cộng đồng". Từ định nghĩa này, khái niệm tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên có thể được hiểu theo hai nghĩa: Theo nghĩa hẹp, đó là sự thờ phụng những người cùng huyết thống trong gia đình và dòng họ. Theo nghĩa rộng, đối tượng thờ phụng gồm cả những thế hệ đi trước có công với đời sau trong một lĩnh vực nhất định, nên phạm vi thờ phụng vượt khỏi gia đình và dòng họ để đến làng xã và quốc gia.

Với cách hiểu rộng này, hệ thống thờ tự gồm nhiều tầng bậc: gia tiên và tổ họ; Thành hoàng làng; Tổ nghề, Tổ làng, Tổ môn phái võ; Tổ khai sơn, Tổ trong chùa; cùng các nhân vật như Mẫu Liễu Hạnh, Chử Đồng Tử, Trần Hưng Đạo, Thánh Gióng, các vua Hùng và mẹ Âu Cơ[5]... Những hình thức ấy đều thuộc cùng một mạch tín ngưỡng hướng về tiền nhân. Thờ cúng tổ tiên vừa là một hình thức tín ngưỡng, vừa là phong tục mang sắc thái văn hóa riêng của người Việt.

Bùi Thu Hiền viết trong cuốn **Một số nét đặc sắc trong văn hóa vùng miền Việt Nam**: "*Từ lâu thờ cúng tổ tiên ông bà đã trở thành một phong tục, là chuẩn mực đạo đức và nguyên tắc làm người, đồng thời là một phần quan trọng trong đời sống tâm linh người Việt Nam, đặc biệt là cuộc sống ở các làng quê*".

Có thể nói, về bản chất, thờ cúng tổ tiên của người Việt vừa là phong tục văn hóa đặc sắc của dân tộc, vừa là một hình thức tín ngưỡng.



Bàn thờ gia tiên “song bình". Hình minh họa tác giả cung cấp.

Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của người Việt Nam gắn liền với các truyền thống “Uống nước nhớ nguồn”, “Ăn quả nhớ kẻ trồng cây” cho nên khó có thể quy về một thời điểm khởi phát duy nhất, mà nên xem là kết quả của một quá trình tích tầng lâu dài. Ở tầng sâu nhất, tín ngưỡng này gắn với niềm tin nằm sâu trong tầng nhận thức của nhiều người Việt cổ xưa, rằng con người gồm “phần hồn” và “phần xác”, đồng thời tin rằng “trần sao âm vậy” nên cái chết không chấm dứt sự tồn tại, linh hồn tiếp tục một đời sống khác và vẫn cần những nhu cầu như khi còn sống[6].

Trên nền tảng đó, điều kiện của xã hội nông nghiệp lúa nước và cơ cấu làng - họ đã củng cố và mở rộng tín ngưỡng này. Khi xã hội chuyển sang chế độ thị tộc phụ quyền, vai trò của người đàn ông trong kinh tế và gia đình tăng lên, dòng họ được xác lập theo họ cha và việc thờ cúng tổ tiên theo dòng họ của cha được hình thành từ đó.

Ở phương diện cộng đồng, ý thức về “tổ tiên chung” có lịch sử riêng. Theo Lê Chính đã viết trong cuốn Về nguồn gốc thờ cúng tổ tiên của người Việt: “ý thức về cội nguồn được hun đúc qua thời Bắc thuộc. Sắc phong thần linh của nhà Trần năm 1285 không nhắc đến Hùng Vương, các truyện tích Hùng Vương chỉ hội tụ thành hệ thống trong sách vở từ nửa sau thế kỷ XIV, và việc lập ngọc phả

năm 1470 dưới thời Lê Thánh Tông đánh dấu bước chính thống hóa Hùng Vương thành tổ tiên chung của người Việt". Như vậy, thờ tổ trong gia đình, dòng họ và thờ tổ của cả quốc gia là hai tầng phát triển song hành chứ không đồng thời xuất hiện. Về phương diện tâm lý - đạo đức, tư tưởng Nho giáo du nhập từ Trung Hoa sang Việt Nam đã tiếp tục đề cao chữ hiếu, gắn nghĩa vụ phụng dưỡng cha mẹ khi còn sống với việc thờ cúng khi qua đời, tín ngưỡng này xuất phát từ tinh thần hiếu đạo, tôn sư trọng đạo.

Thờ cúng tổ tiên vì thế đồng thời là cách thể hiện lòng hiếu thảo và biết ơn đối với cha mẹ, ông bà và các bậc đi trước ngoài ra còn đáp ứng nhu cầu tâm linh là mong được tổ tiên phù hộ. Từ góc nhìn lịch sử Phật giáo, tín ngưỡng ấy không vận động trong khoảng trống tư tưởng mà còn cho thấy Phật giáo và Nho giáo đã đối thoại với nhau trên lãnh thổ Việt Nam từ rất sớm.

Ảnh hưởng của Phật giáo với tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên người Việt

Phật giáo với tinh thần từ bi, bình đẳng, giác ngộ, nhân văn, tôn trọng tín ngưỡng bản địa, đã giúp các tín ngưỡng bản địa loại bỏ những tồn tại, bồi đắp thêm những giá trị mới. Xuyên suốt quá trình ấy, tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên không phải là một hình thức thụ động; nó sẵn sàng tiếp nhận một số yếu tố Phật giáo, đồng thời tác động ngược trở lại Phật giáo đang được thực hành trong cộng đồng người Việt. Với tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên, Phật giáo tiếp tục tôn vinh giá trị truyền thống "uống nước nhớ nguồn" của người Việt, nâng cao giá trị "đạo hiếu", bổ trợ định hướng về tinh thần trong cách thờ cúng tổ tiên. Trên dưới 2000 năm giao thoa, dung hợp, tinh thần Phật giáo ảnh hưởng một cách toàn diện đến tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên. Dưới đây là những ảnh hưởng cơ bản của Phật giáo đến tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của người Việt:

Thứ nhất, về tư tưởng quan điểm: Tinh thần hiếu đạo là một giá trị cốt lõi của tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên. Kho tàng tục ngữ, ca dao của người Việt phản ánh rõ điều đó, như "Sống tết, chết giỗ", "Chim có tổ, người có tông. Như cây có cội, như sông có nguồn"... Trong bối cảnh đó, Phật giáo đưa vào những luận giải riêng về chữ hiếu rằng hiếu dưỡng cha mẹ đã là một thiện nghiệp trọng yếu trong đạo đức Phật giáo, xem việc báo ân cha mẹ như một phần của đời sống tu tập, như "Tâm hiếu là tâm Phật, hạnh hiếu là hạnh Phật" hay quan niệm mỗi gia đình có "hai vị Phật" là cha và mẹ.

Về sau, hiếu được nâng lên thành giới luật trong Phạm võng kinh (梵網經) có câu "孝順至道之法 孝名為戒" (hiếu thuận là phép tắc đạt đạo, hiếu được gọi là giới). Trong Vu Lan Bồn Kinh (盂蘭盆經) kể về tích Mục Kiền Liên cứu mẹ đang chịu

khổ trong cõi ngạ quỷ bằng cách cúng dường chúng Tăng vào rằm tháng Bảy. Từ sự tiếp xúc ấy, trong dân gian xuất hiện những quan niệm như "thứ nhất tu tại gia, thứ hai tu chợ, thứ ba tu chùa" hay "tu đâu cho bằng tu nhà, thờ cha kính mẹ mới là chân tu". Có thể nhận thấy rằng các quan niệm này đặt chữ hiếu làm nền tảng của đạo đức: ngườixuất gia hay người tại gia, trước hết cần phải làm tròn bổn phận hiếu đạo với cha mẹ.



(Ảnh: Internet)

Thứ hai, về khía cạnh nghi lễ dễ nhận thấy nhất của sự đan xen giữa Phật giáo và thờ cúng tổ tiên. Nhiều nghi thức tang ma và cúng tổ tiên của người Việt mang đậm dấu ấn Phật giáo: các lễ cúng thất (tuần thất, tuần 35, tuần 49 ngày); lễ cầu siêu, lễ cầu siêu phả độ gia tiên; lễ Vu Lan báo hiếu. Lời khấn thường dùng danh hiệu "Nam mô A Di Đà Phật" và tư thế chắp tay; một số pháp khí như chuông, mõ cũng xuất phát từ chùa[7]. Lễ cúng thất (七七) và lễ Vu Lan (盂蘭盆) là những nghi lễ hình thành trong quá trình Phật giáo hòa nhập với tín ngưỡng, tập quán của xã hội Trung Hoa. Điều này cho thấy rằng không thể xem chúng là một nghi lễ "thuần túy Phật giáo" theo nghĩa Ấn Độ nguyên thủy, mà là kết quả của một quá trình tiếp biến văn hóa kéo dài, trong đó Việt Nam tiếp nhận thông qua Phật giáo Trung Hoa.

Phật giáo đã và đang đơn giản hóa các nghi lễ thờ cúng tổ tiên, giảm tiện đi những nghi thức rườm rà, không phù hợp, tốn thời gian, tiền của, đồng thời đưa ra những hình thức nghi lễ kết hợp giữa tinh thần Phật giáo với truyền thống tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên, phong tục tập quán,... vừa đảm bảo được giá trị truyền thống, văn hóa, lại đảm bảo được giá trị tâm linh, phù hợp với nếp sống văn minh tiến bộ, văn hóa hội nhập mới của người Việt Nam. Ngoài ra, chiều tác

động ngược lại từ tín ngưỡng tổ tiên sang Phật giáo là thờ vong hồn người đã khuất, gửi giỗ tại chùa; sự có mặt của nhà Tổ, nhà vong trong không gian chùa làng.

Nghi lễ Vu Lan ở Việt Nam hòa với tục cúng cô hồn dịp rằm tháng Bảy đã cho thấy sự tác động ngược lại với Phật giáo có thể vừa tiếp nhận vừa tái cấu trúc một tín ngưỡng dân gian có sẵn.

Thứ ba, về mặt thờ tự: Nguyên tắc thờ tự xưa của người Việt xưa khi bài trí bàn thờ là "Đông bình, Tây quả", một bình hoa ở phía Đông, mâm quả ở phía Tây[8]. Bàn thờ thường đặt ở hướng Nam - hướng mát; bên trái bàn thờ nhìn từ phía trong ra sẽ là hướng Đông gắn liền với hình ảnh mặt trời mọc, biểu trưng cho mùa xuân, ngày mới sinh sôi, nên đặt bình hoa với mong ước tâm linh đặt cây bên phía mặt trời mọc, thì cây sẽ đơm chồi, gia đình được phúc lộc. Bên phải bàn thờ là hướng Tây - hướng mặt trời lặn gắn với hoàng hôn, biểu trưng cho chiều mùa Đông, nên đặt mâm ngũ quả với mong muốn cuộc sống gia đình ngày càng sung túc đủ đầy, cuộc sống sẽ luôn đơm hoa kết trái đồng thời gợi liên tưởng đến "Tây phương cực lạc" với mong muốn, sinh ra sống trên đời, khi chết đi sẽ được sinh về cõi Tây phương cực lạc.

Cách thờ tự theo nguyên tắc này, ngày nay không mấy gia đình biết và duy trì, hầu hết thờ tự mang tính chất tự phát hoặc bát hương ông bà để sao con cháu để vậy. Ảnh hưởng của Phật giáo về cách thờ này, Phật giáo điều chỉnh là nguyên tắc từ "độc bình" – thờ một bình hoa, thành "song bình" – thờ hai bình hoa. Nghĩa là lối thờ Phật giáo là lối thờ đảm bảo tính cân đối trên bàn thờ, gần như mọi đồ thờ trên bàn thờ đều có đôi và đối xứng nhau – biểu trưng giáo lý trung đạo của Phật giáo. Mặt khác văn hóa thờ bát hương và thắp hương cũng có nguồn gốc từ Phật giáo; thắp hương thường ba nén, vái, lễ thường ba lễ – biểu trưng cho Phật – Pháp – Tăng. Về đồ thờ trên bàngồm có: Đế đèn gỗ, ống hương, mâm bồng – cũng đều sử dụng phong cách đồ thờ tại chùa.

Thứ tư, về kiến trúc: Hiện hầu hết kiến trúc từ đường (nhà thờ họ) có bố cục và phong cách gần với kiến trúc đình, chùa, như cổng tam quan, hậu cung. Có thể đây là nét tương đồng xuất phát từ kỹ thuật và thẩm mỹ chung, là biểu hiện của sự giao thoa giữa kiến trúc tôn giáo và kiến trúc thờ tự dòng họ.

Như vậy, Phật giáo ảnh hưởng một cách sâu sắc và toàn diện đến tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của người Việt. Điều đó cho thấy, Phật giáo góp phần loại bỏ đi những yếu tố mê tín, rườm rà, không phù hợp với thời đại mới, đồng thời tiếp tục tôn vinh, bồi đắp, bổ sung những giá trị tốt đẹp của tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của người Việt lên tầm cao mới. Nhờ vậy, góp phần đưa tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên tiếp tục trở thành một nét đặc sắc mang đậm bản sắc văn hóa

người Việt, chứa đựng những giá trị đạo đức, văn hóa, tín ngưỡng tâm linh trong sáng, làm nền tảng giá trị truyền thống dân tộc, phù hợp với nếp sống văn hóa văn minh tiến bộ.

Các giá trị tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên trong xã hội Việt Nam hiện đại

Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên cùng với đạo Phật là hạt nhân cốt lõi của văn hóa truyền thông người Việt

Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên và Phật giáo có thể được xem là hai yếu tố nền tảng trong văn hóa truyền thống của người Việt. Ở mỗi làng quê Việt hiện nay, gần như làng nào cũng có chùa, đền, đình, nhà thờ họ, bàn thờ tổ tiên trong mỗi gia đình, là đặc điểm phổ biến của cảnh quan tín ngưỡng nông thôn Việt Nam.

Ngày nay, dù nhiều yếu tố của đời sống làng quê đã biến đổi mạnh dưới tác động của đô thị hóa và hiện đại hóa, dường như thứ gì cũng có thể mất trên làng quê Việt, nhưng các thiết chế và thực hành này người dân không bao giờ từ bỏ mà vẫn được cộng đồng duy trì. Vì nó không chỉ mang ý nghĩa thờ cúng, mà còn là truyền thống của ông cha, là di sản của thế hệ trước, là văn hóa mỗi làng, là yếu tố thiêng liêng được người dân tôn thờ, là nơi nương tựa về tâm linh... Những giá trị ấy dường như đã được nội tại hóa trong tâm thức người Việt và góp phần định hình bản sắc văn hóa của từng làng.

Từ góc độ sử học, chúng ta sẽ dễ dàng nhận ra một điều, gần như toàn bộ văn hóa, lịch sử, tín ngưỡng tâm linh của một ngôi làng đều gắn bó một cách chặt chẽ và mật thiết với tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên, thờ Phật. Và nếu nói đến văn hóa truyền thống người Việt trong xã hội Việt Nam đương đại, gần như mọi thứ đang xoay quanh tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên, đạo lý nhà Phật.

Điều này cũng đưa đến một nhận thức, muốn bảo vệ phát huy văn hóa truyền thống của dân tộc, cần đánh giá nghiêm túc vai trò của tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên, đức tin theo đạo Phật với mỗi làng quê Việt nói riêng và dân tộc nói chung.

Thờ cúng tổ tiên và việc giáo dục đạo lý hiếu nghĩa, "uống nước nhớ nguồn" trong đời sống người Việt

Trong không gian làng xã Việt Nam, đời sống tín ngưỡng chịu ảnh hưởng của nhiều hình thức khác nhau, trong đó có tín ngưỡng thờ Thành hoàng làng và Phật giáo. Tuy nhiên, mức độ tham gia các hình thức này không đồng đều giữa các gia đình. Không phải hộ nào cũng thường xuyên đi lễ chùa hay tiếp nhận giáo lý từ Phật giáo hoặc một tôn giáo cụ thể. Ngược lại, thờ cúng tổ tiên dường

như là thực hành phổ biến hơn cả, kể cả ở những người không tự nhận theo tôn giáo nào. Điều này khiến tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên trở thành một trong những môi trường giáo dục đạo đức đầu tiên và bền bỉ nhất trong gia đình. Ngay từ nhỏ, trẻ em đã được tiếp xúc với bàn thờ gia tiên, giỗ chạp và các dịp lễ Tết do cha mẹ, ông bà thực hiện.

Thông qua việc quan sát và tham gia các nghi lễ này, thế hệ trẻ tiếp nhận một cách tự nhiên các chuẩn mực về lòng hiếu thảo và tinh thần "uống nước nhớ nguồn". Câu nói dân gian "sống thì tết, chết thì giỗ" cho thấy rõ cách hiểu ấy. Khi cha mẹ còn sống, con cái có bổn phận hiếu kính, phụng dưỡng. Khi cha mẹ qua đời, bổn phận ấy tiếp tục được thể hiện qua việc cúng giỗ.

Thờ cúng tổ tiên không chỉ là hành vi tôn giáo – tín ngưỡng, mà còn là hình thức bày tỏ lòng biết ơn và tưởng nhớ công lao của người đã khuất. Qua quá trình thực hành lặp lại qua nhiều thế hệ, các giá trị này được nội tại hóa thành nếp nghĩ của người trẻ và trở thành nền tảng cho nhiều chuẩn mực đạo đức khác của xã hội.

Từ đó có thể thấy rằng, thờ cúng tổ tiên đóng vai trò như một bài học về giáo dục phi chính thức đi theo người Việt Nam suốt cuộc đời về đạo lý hiếu nghĩa và tinh thần "uống nước nhớ nguồn".

Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên phát huy tinh thần đoàn kết dân tộc, tinh thần tương thân tương ái, lòng yêu nước

Lịch sử Việt Nam ghi nhận một quá trình duy trì và khẳng định bản sắc dân tộc bền bỉ trước các áp lực ngoại xâm. Sau thời kỳ Bắc thuộc kéo dài hơn một thiên niên kỷ, người Việt giành lại quyền tự chủ vào năm 938 và nhiều lần tổ chức kháng chiến chống giặc ngoại xâm, tiêu biểu là hai cuộc kháng chiến chống quân Mông – Nguyên thời Trần, cùng các cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ trong thế kỷ XX.

Thời Trần gọi sức mạnh đó là "Hào khí Đông A", cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng cho đó là lòng yêu nước và tinh thần đoàn kết dân tộc, còn Chủ Tịch Hồ Chí Minh lại gọi vắn tắt sức mạnh ấy trong hai chữ "đồng bào" (同胞) là một cách diễn đạt cô đọng cho tinh thần đó.

Về mặt biểu tượng, "đồng bào" hàm ý một cộng đồng cùng chung huyết thống, mà truyền thuyết Âu Cơ – Lạc Long Quân với sự tích "bọc trăm trứng" diễn đạt dưới dạng huyền thoại về nguồn gốc chung. Việt Nam hiện có 54 dân tộc cùng chung sống, mỗi dân tộc có những khác biệt đáng kể về ngôn ngữ, văn hóa, tôn giáo, tín ngưỡng và tâm linh. Nhưng tất cả 54 dân tộc Việt Nam dường như đang

theo một thứ tín ngưỡng đó là tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên, cùng chung nguồn gốc, được xem là một điểm tương đồng văn hóa quan trọng. Dù hình thức thực hành ở mỗi cộng đồng khác nhau, tín ngưỡng này chung một tư tưởng hướng về cội nguồn và biết ơn người đi trước. Trên bình diện quốc gia, tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương là biểu hiện tập trung của tư tưởng này. UNESCO năm 2012 đã ghi nhận rằng: tín ngưỡng này tạo ra ý thức tôn kính tổ tiên, qua đó củng cố niềm tự hào và sự gắn kết dân tộc.

Khái quát sức mạnh dân tộc và tinh thần đoàn kết, giá trị đạo đức dân tộc, Phó Thủ tướng Vũ Đức Đam đã khẳng định trong kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa XIV năm 2020: "Có *dân tộc nào yêu nước, đoàn kết hơn dân tộc Việt Nam mình, có đất nước nào mà lũ lụt, dịch bệnh mà người dân lại yêu thương nhau đến vậy*". Từ những luận điểm này có thể trở thành điều kiện rằng: thờ cúng tổ tiên, thờ Thành hoàng làng và thờ vua Hùng góp phần nuôi dưỡng ý thức về nguồn gốc chung.

Ý thức này là cơ sở văn hóa cho tinh thần đoàn kết, tương thân tương ái và lòng yêu nước của 54 dân tộc Việt Nam tạo thành một khối đoàn kết dân tộc vững mạnh.

Kết luận

Về phương diện lịch sử, tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của người Việt không thể quy về một thời điểm khởi phát duy nhất, mà cần được xem là kết quả của quá trình tích tầng kéo dài: từ quan niệm về phần hồn và phần xác, về sự tiếp tục của đời sống nơi cõi âm, qua nền tảng xã hội nông nghiệp lúa nước và cơ cấu làng - họ, đến sự định hình dần của ý thức về tổ tiên chung. Trong tiến trình ấy, dù thời điểm Phật giáo du nhập còn chưa thống nhất giữa các học giả, các nghiên cứu đều ghi nhận Phật giáo đã phát triển ở Giao Châu muộn nhất vào cuối thế kỷ II, với Luy Lâu là trung tâm.

Như vậy, Phật giáo không hiện diện trong một khoảng trống tín ngưỡng, mà tiếp xúc với tục thờ cúng sẵn có tại điểm gặp gỡ tự nhiên là đạo hiếu.

Ảnh hưởng của Phật giáo thể hiện trên bốn phương diện: tư tưởng, nghi lễ, thờ tự và kiến trúc. Các nghi lễ tiêu biểu như cúng thất (七七) và lễ Vu Lan (盂蘭盆) hình thành trong quá trình Phật giáo hòa nhập với xã hội Trung Hoa, rồi được tiếp nhận vào Việt Nam thông qua Phật giáo Trung Hoa. Vì thế, chúng không thể được coi là nghi lễ "thuần túy Phật giáo" theo nghĩa Ấn Độ nguyên thủy, mà là sản phẩm của một quá trình tiếp biến văn hóa kéo dài.

Quá trình ấy mang tính hai chiều. Việc lễ Vu Lan trùng với ngày xá tội vong nhân trong tập quán dân gian, cùng các hiện tượng thờ vong hồn, gửi giỗ, sự hiện diện của nhà Tổ và nhà vong trong chùa làng, cho thấy tín ngưỡng bản địa không chỉ tiếp nhận yếu tố Phật giáo mà còn tái cấu trúc sinh hoạt Phật giáo.

Trong xã hội đương đại, giá trị của tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên nằm ở hai chức năng.

Một là chức năng giáo dục phi chính thức, nơi đạo lý hiếu nghĩa và tinh thần "uống nước nhớ nguồn" được truyền qua thực hành lặp lại ngay trong không gian gia đình.

Hai là chức năng văn hóa - xã hội, nuôi dưỡng ý thức về nguồn gốc chung, làm cơ sở cho sự gắn kết cộng đồng. Hai chức năng này cho thấy tiềm năng của tín ngưỡng như một nguồn lực "sức mạnh mềm", đúng với vấn đề mà bài viết đặt ra ở phần mở đầu.

Tác giả: **Lý Thanh Nhi (Thích nữ Như Ý Châu)**

Lớp Cao học - Học Viện Phật Giáo Việt Nam tại Huế

Tài liệu tham khảo:

1] Toan Ánh (2003), *Phong tục thờ cúng tổ tiên trong gia đình Việt Nam*, Nxb Văn hóa Thông tin.

2] Lê Chính (2013), *Về nguồn gốc thờ cúng tổ tiên của người Việt*, Tạp chí *Di sản văn hóa*.

3] Trịnh Thị Dung (2015), *Ý nghĩa lễ Vu Lan trong đạo đức học Phật giáo*, Nghiên cứu *Tôn giáo*, số 6.

4] Lê Tuấn Đạt (2014), *Nếp cũ làng xóm Việt Nam*, Nxb. Trẻ.

5] Bùi Thu Hiền (2016). *Một số nét đặc sắc trong văn hóa vùng miền Việt Nam*. Nxb. Lao động.

6] Nguyễn Lang (1992), *Việt Nam Phật giáo sử luận*, tập 1, Nxb Văn học.

7] Nguyễn Công Lý (2013), *Bàn thêm về thời điểm Phật giáo và pháp tu Thiền truyền vào Việt Nam*, Nghiên cứu Tôn giáo, số 8.

8] Vũ Hồng Vận (2019), *Ảnh hưởng của Phật giáo trong tục thờ cúng âm hồn ở người Việt*, tập 181, số 1, Nghiên cứu Tôn giáo.

9] Thích Chiếu Tuệ (2022), *Ảnh hưởng của Phật giáo đối với tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của người Việt*, Tạp chí Văn hóa Phật giáo số 399.

Chú thích:

[1] Lê Tuấn Đạt (2014), tr. 84. Tác giả dẫn lại của Toan Ánh (2005), *Nếp cũ làng xóm Việt Nam*, Nxb. Trẻ, tr. 235.

[2] Nguyễn Công Lý (2013), "*Bàn thêm về thời điểm Phật giáo và pháp tu Thiền truyền vào Việt Nam*", Nghiên cứu Tôn giáo, số 8, tr. 31, 33.

[3] Trịnh Thị Dung (2015), "Ý nghĩa lễ Vu Lan trong đạo đức học Phật giáo", Nghiên cứu Tôn giáo, số 6, tr. 55.

[4] Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. *Luật Tín ngưỡng, tôn giáo*. Luật số 02/2016/QH14, 2016.

[5] Thích Chiếu Tuệ (2022), "Ảnh hưởng của Phật giáo đối với tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của người Việt" Tạp chí Văn hóa Phật giáo 399.

[6] Lê Chính (2013), "*Về nguồn gốc thờ cúng tổ tiên của người Việt*" Tạp chí *Di sản văn hóa* 3, tr.70 cho rằng: Tập tục chôn theo công cụ lao động, đồ trang sức hay vật nuôi trong các di tích mộ táng, ở Việt Nam cũng như nhiều nơi khác, thường được xem là dấu vết vật chất của quan niệm ấy, và từ đó việc thờ cúng, tưởng nhớ dần định hình thành tín ngưỡng.

[7] Về mặt lịch sử, một số nghi lễ này có liên hệ với truyền thống Phật giáo Trung Hoa.

[8] Đây cũng là nguyên tắc độc bình - thờ một bình hoa.